

Bản án số: 20/2023/DS - PT
Ngày 19/4/2023
“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Duy Ước

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh và ông Bùi Đức Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-DS ngày 14/11/2022 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2023/QĐ-PT ngày 13/3/2023, Quyết định hoãn số 33/2023/QĐ-PT giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1938; địa chỉ: tổ 2, khu 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người đại diện: ông Dương Mạnh C, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 18, khu 2, phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- **Bị đơn:** anh Vũ Thanh H, sinh năm 1969; nơi đăng ký HKTT: tổ 2, khu 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: số 2A, đường T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962; nơi cư trú: số 43/98/33A T1, phường T2, quận C, thành phố Hà Nội, vắng mặt;

+ Bà Vũ Thị Mai H, sinh năm 1971; nơi cư trú: tổ 9, khu 3, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

+ Ông Vũ Thanh H1, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ 2, khu 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

+ Ông Vũ Minh T (tên gọi khác: TB), sinh năm 1975; nơi đăng ký HKTT: tổ 2, khu 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: số 02 P 2, phố Bến Đoàn, phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt;

3. **Người kháng cáo:** nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Ngọc P chung sống với nhau từ năm 1959, có tổ chức lễ cưới, được sự chứng kiến, tham gia của cơ quan, gia đình, người thân nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống bà M, ông P sinh được 05 người con chung gồm: chị Vũ Thị T, sinh năm 1962; anh Vũ Thanh H, sinh năm 1969; chị Vũ Thị Mai H, sinh năm 1971; anh Vũ Thanh H1, sinh năm 1973; anh Vũ Minh T (tên gọi khác: TB), sinh năm 1975. Ngoài con chung, ông bà không có con nuôi, con riêng.

Ngày 08/10/2002, ông Vũ Ngọc P chết và không để lại di chúc, quá trình chung sống bà M và ông P có khối tài sản chung sau:

- Thừa đất số 90, tờ bản đồ số 70 có diện tích 80,7m² đất tại tổ 2, khu 1 (trước đây là tổ 3, khu 1), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và tài sản trên đất là ngôi nhà 2 tầng. Nguồn gốc thừa đất do bà M, ông P mua lại từ khoảng năm 1970, sau đó năm 1973 xây lại nhà mái tranh, đến năm 1979 xây nhà lợp ngói và năm 1989 cải tạo xây thành ngôi nhà 02 tầng như hiện nay. Đây cũng là nhà đất mà bà M, ông P đã cùng sinh sống từ khi kết hôn cho đến nay. Sau khi ông P chết, bà M vẫn ở đây, khối tài sản này vẫn nguyên vẹn không có gì thay đổi. Theo bà M giá trị tài sản này khoảng 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

- Thừa đất có số 145, tờ bản đồ số 104, diện tích 1.155 m² tại tổ 5 khu 8B (nay là tổ 7, khu 8), phường B thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và tài sản trên đất là căn nhà mái bằng rộng 120m². Nguồn gốc của nhà đất này là do bà M và ông P mua thanh lý của Trường TL Quảng Ninh năm 1993. Thời điểm mua thanh lý theo quy định của trường chỉ thanh lý cho cán bộ công nhân viên của trường, do vậy bà M phải mượn tên của con trai là anh Vũ Thanh H (bị đơn) để mua thanh lý nên Quyết định thanh lý mang tên người được thanh lý là anh Vũ Thanh H. Năm 1998 đo đạc và cập nhật bản đại chính thì bà M không biết nên hiện nay thừa đất này được cập nhật là vắng chủ. Từ khi ông P chết đi cho đến nay diện tích đất này vẫn nguyên vẹn, không tăng thêm hay mất đi. Theo bà M giá trị mảnh đất này khoảng 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản là 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Cả hai thừa đất trên đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do là anh Vũ Thanh H không đồng ý ký các giấy tờ thỏa thuận để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà M. Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H xác định tài sản chung, phân chia di sản thừa kế của ông P như sau:

Giao cho bà M được hưởng phần tài sản riêng có giá trị bằng 50% trong tổng giá trị khối tài sản chung của bà M và ông P.

Đối với 50% tổng giá trị còn lại nằm trong khối tài sản chung là di sản của ông P. Bà M yêu cầu chia làm 06 phần bằng nhau cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P gồm có bà M và 05 người con chung của bà M và ông P.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 24/9/2001, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Mạnh C trình bày:

Trước đây, khi nộp đơn khởi kiện theo các tài liệu cũ bà M yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70, có diện tích 80,7m² tại tổ 2, khu 1, phường B, thành phố H và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 104, diện tích 1.155² tại tổ 5, khu 8B, phường B, thành phố H.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền đã được tiếp cận với các chứng cứ mới nên đề nghị sửa lại thông tin của hai thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là: Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 104, có diện tích 80,7m² tại tổ 2, khu 1 (trước đây là tổ 3, khu 1), phường B, thành phố H và thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70 có diện tích 535,6m² đất tại tổ 7, khu 8 (trước là tổ 5, khu 8B), phường B, thành phố H.

Ngoài ra, sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thấy rằng tài sản chung của bà M, ông P và di sản thừa kế của ông P còn gồm cả thửa số 89 và thửa số 131, tờ bản đồ số 70, có diện tích 297m² đất tại tổ 7, khu 8 (trước là tổ 5, khu 8B), phường B, thành phố H. Hai thửa đất này nằm sát cạnh thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70 nhưng nguyên đơn chưa yêu cầu phân chia tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung nên tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị được đưa vào yêu cầu khởi kiện để giải quyết trong vụ án.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Thanh H trình bày:

Năm 1989, anh H công tác tại Trường trung cấp Kỹ thuật nghiệp vụ thủy lợi thuộc Sở Thủy lợi tỉnh Quảng Ninh quản lý. Năm 1993 do cơ chế Nhà nước có sự thay đổi, Trường trung cấp Kỹ thuật nghiệp vụ thủy lợi giải thể, sát nhập với Trường xây dựng Quảng Ninh, lúc đó Sở Thủy lợi tỉnh Quảng Ninh có thanh lý các căn nhà văn phòng, phòng học và ký túc xá cho cán bộ, nhân viên, thầy cô giáo và người lao động trong trường, nếu ai có nhu cầu mua nhà thì nhượng bán cho. Khi đó, anh H cùng các cán bộ, nhân viên, giáo viên và người lao động là nhân viên của Trường được nhượng một số nhà.

Ngày 06/3/1993 anh được Sở Thủy lợi tỉnh Quảng Ninh nhượng bán cho 2 căn nhà liền phía trước và phía sau, nhà mái bằng 100m² và căn nhà bếp, mái ngói phía sau 18m² thuộc tổ 7, khu 8 (trước là tổ 5, khu 8B), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Cuối năm 2018 nhà dân phía sau có đổ đất xây kè đá, đã làm đổ sập hoàn toàn căn nhà này, do nhà đã cũ, xây lâu năm từ những năm 1998, đã hơn 30 năm nên đã hư hỏng. Theo luật đất đai tại thời điểm mua nhà thì khi đó Nhà nước chỉ bán nhà, không bán đất, nên khi đó mọi người mua nhà đều được hưởng những mảnh đất xung quanh nhà do Trường trung cấp Kỹ thuật Thủy lợi phân cho. Khi đó, anh được Trường phân cho mảnh đất liền phía trước ra đến cổng phía ngoài vườn cây bạch đàn, được hưởng cả vườn cây bạch đàn, vườn này là do anh cùng những nhân viên khác của trường trồng năm 1990, khi còn là nhân viên của trường, anh được hưởng cả mảnh đất phía dưới, bên phải của 2 căn nhà, khu nhà tắm phía dưới có giếng nước thuộc khu đất của Trường. Từ đó đến nay anh H vẫn quản lý khu đất và 2 căn nhà đó. Tuy nhiên, sau khi cơ quan giải thể, anh H phải xin chuyển qua nhiều nơi công tác khác nhau như biên giới Việt Trung, Lào và gần chục năm nay

anh H mới chuyển về tỉnh Ninh Bình công tác vì điều kiện khó khăn, công tác ở xa nên anh chưa làm sổ đỏ.

Quan điểm của anh H: Thừa đất số 90, tờ bản đồ số 70 tại tổ 5, khu 8B (nay là tổ 7, khu 8), phường B, thành phố H và 01 ngôi nhà mái bằng gắn liền trên đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng của anh. Đối với thửa đất số 145, tờ bản đồ số 104, có diện tích 80,7m² đất tại tổ 2, khu 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và tài sản trên đất là ngôi nhà 02 tầng, anh H không có ý kiến gì, theo quyền quyết định của bà Nguyễn Thị M. Do điều kiện công tác xa, đi lại khó khăn nên anh H đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Huệ, anh Vũ Minh T trình bày:

Xác định di sản thừa kế của ông P như yêu cầu khởi kiện Nguyễn Thị M là quyền sử dụng thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70 tại tổ 2, khu 1, phường B, thành phố H cùng ngôi nhà hai tầng gắn liền trên đất. Đồng ý, giao tài sản này cho bà Nguyễn Thị M và không yêu cầu bà M phải trả tiền chênh lệch đối với kỷ phần thừa kế mà chị Thơm, chị Huệ, anh Thanh được nhận. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại tổ 5, khu 8B (nay là tổ 7, khu 8), phường B, thành phố H nếu là tài sản chung của bà M và ông P thì chị Thơm, chị Huệ, anh Thanh đồng ý như đơn khởi kiện của bà M, mỗi người sẽ nhận 1/6 giá trị di sản thừa kế nhưng nếu đây là tài sản của anh H thì trả lại cho anh H. Do điều kiện công tác nên chị Thơm, anh Thanh đề nghị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Thanh H1, quá trình giải quyết vụ án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Hải không có mặt theo giấy triệu tập và cũng không gửi văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định ngày 26/7/2021 và Biên bản định giá tài sản ngày 26/8/2021, Biên bản ngày 09/3/2022, làm rõ nội dung trong biên bản định giá ngày 26/8/2021 của Tòa án thể hiện:

- Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 104 tại tổ 2 khu 1 (trước là tổ 3, khu 1), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh có hiện trạng như sau: đất có diện tích 80,7m²; tài sản gắn liền trên đất: có 01 căn nhà 02 tầng bê tông cốt thép, gồm 3 gian, có tổng diện tích xây dựng 148m²; đất và nhà trên đất do bà Nguyễn Thị M đang quản lý và sử dụng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 145, tờ bản đồ số 104 tại tổ 2 khu 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là 1.191.940.000đồng.

- Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70, tại tổ 7, khu 8 (trước là tổ 5, khu 8B) phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh có hiện trạng như sau: Đất có diện tích 535,6m²; tài sản trên đất: có 01 căn nhà mái bằng, 01 tầng đã cũ, hư hỏng nặng có diện tích 130m² (không có người ở); Giá trị của thửa đất là 535,6m² × 76.000 đồng/m² = 40.705.600đồng, đối với nhà trên đất, giá trị 0 (không) đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày cụ thể như sau:

- Quá trình xem xét, thẩm định thấy rằng tài sản chung của bà M, ông P còn có cả thửa số 89 và thửa số 131, tờ bản đồ số 70, có diện tích 297m² tại tổ 5, khu 8B (nay là tổ 7, khu 8), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị Tòa án đưa vào vụ án để giải quyết và đề nghị này không phải là bổ sung yêu cầu khởi kiện vì trước đây thửa đất số 89 và 131 chính là diện tích đất nằm trong thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70 tổ 5, khu 8B (nay là tổ 7, khu 8), phường B, thành phố H mà vợ chồng bà M được Trường TL thanh lý nhưng sau này cơ quan địa chính đã tách ra nhưng bà M không nắm rõ.

- Về phân chia tài sản: Giao cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phần tài sản riêng là ½ giá trị tài sản và ½ giá trị tài sản còn lại là di sản của ông P, được chia đều cho 06 người trong hàng thừa kế. Nguyên đơn không yêu cầu xem xét công sức duy trì, quản lý di sản và đồng ý nhận phần di sản thừa kế mà các con tặng cho lại.

- Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo pháp luật, bà M là người cao tuổi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 và khoản 2 Điều 157, khoản 1 và khoản 2 Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 609, 612, 613, 649, 650, 651, 660 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 95, 99, 167 và điểm d khoản 1 Điều 169 Luật đất đai.

- Điểm a, tiểu mục 3.3, khoản 3, Mục I Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLN-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 03/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục địa chính và điểm a, khoản 1, Mục II Nghị quyết số 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 33, Khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc phân chia di sản thừa kế của ông Vũ Ngọc P, trong khối tài sản chung của bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Ngọc P là thửa đất số 145, tờ bản đồ 104, có diện tích 80,7m² tại tổ 2, khu 1 (trước là tổ 3, khu 1), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và tài sản gắn liền trên đất là 01 (một) nhà hai tầng có diện tích 148m²; trị giá tài sản là 1.191.940.000đ (một tỷ một trăm chín mươi một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được phân chia phần tài sản riêng trong khối tài sản chung là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu nhà, trị giá 595.970.000đ (năm trăm chín mươi năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Phần di sản thừa kế của ông Vũ Ngọc P được xác định là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu nhà còn lại, trị giá 595.970.000đ (năm trăm chín mươi năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng), được chia thành 06 kỷ phần, cho 06 người thừa kế, cụ thể: bà Nguyễn Thị M, chị Vũ Thị T, anh Vũ Thanh H, chị Vũ Thị Huệ, anh Vũ Thanh H1, anh Vũ Minh T (tên gọi khác TB); mỗi người được nhận kỷ phần trị giá là 99.328.333đ (chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Giao cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 145, tờ bản đồ 104, diện tích 80,7m² tại tổ 2, khu 1 (trước là tổ 3, khu 1), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và được quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất là 01 (một) căn nhà hai tầng, có diện tích 148m². Thửa đất được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,1 (toàn bộ kích thước, vị trí, diện tích đất, tài sản trên đất giao cho bà Nguyễn Thị M có sơ đồ kèm theo, sơ đồ này là phần không tách rời của bản án).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền, nghĩa vụ và làm các thủ tục liên quan đến diện tích được giao quyền sử dụng.

- Ghi nhận chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Huệ, anh Vũ Minh T (tên gọi khác TB), tự nguyện tặng cho bà Nguyễn Thị M kỷ phần thừa kế được phân chia; 03 (ba) kỷ phần tặng cho bà M nhận trị giá 297.985.000đ (hai trăm chín mươi bảy triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng); cùng với 01 (một) kỷ phần được phân chia theo hàng thừa kế, nguyên đơn được hưởng 04 (bốn) kỷ phần, trị giá 397.313.332đ (ba trăm chín mươi bảy triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

- Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả kỷ phần thừa kế giá trị bằng tiền cho anh Vũ Thanh H là 99.328.333đ (chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và cho anh Vũ Thanh H1 là 99.328.333đ (chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc phân chia di sản thừa kế của ông Vũ Ngọc P, trong khối tài sản chung của bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Ngọc P là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70, có diện tích 535,6m² đất tại tổ 7, khu 8 (trước là tổ 5, khu 8B), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và tài sản gắn liền trên đất là 01 (một) nhà mái bằng, diện tích 120m².

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, về chi phí tố tụng, về quyền kháng cáo theo quy định.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, phần không chấp nhận chia di sản thừa kế của ông P là thửa đất số 90 tờ bản đồ số 70, diện tích 1155m² và 01 căn nhà mái bằng diện tích 120m², đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện với lý do: vì đây là tài sản do vợ chồng bà M mua nhờ anh H đứng tên hộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn là Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi

nội dung kháng cáo: tại Đơn kháng cáo bà đề nghị sửa bản án sơ thẩm và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P là thửa đất số 90 tờ bản đồ số 70, diện tích 1155m² và 01 căn nhà mái bằng diện tích 120m². Nay bà thay đổi: đề nghị sửa bản án sơ thẩm và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P là thửa đất số 90 tờ bản đồ số 70, diện tích 535,6m² đất và 01 căn nhà mái bằng diện tích 120m².

- Bị đơn vắng mặt, các đương sự không thực hiện được việc thỏa thuận về việc giải quyết vụ án;

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên, đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận Đơn kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, phần không chấp nhận chia di sản thừa kế của ông P là thửa đất số 90 tờ bản đồ số 70, diện tích 535,6m² và 01 căn nhà mái bằng diện tích 120m², đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện với lý do: vì đây là tài sản do vợ chồng bà M mua nhờ anh H đứng tên hộ. Hội đồng xét xử thấy:

Về nguồn thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70, 01 ngôi nhà trên đất các đương sự đều thừa nhận nhà đất trên có nguồn gốc của Trường TL Quảng Ninh năm 1993 bán thanh lý cho cán bộ, nhân viên của trường khi giải thể (Theo Biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố H thửa đất này có diện tích 535,6m² và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà mái bằng rộng 120m²). Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định mình được mua thanh lý nhà đất trên đất của Trường TL Quảng Ninh.

Nguyên đơn cho rằng nguồn gốc nhà, đất trên là do bà M, ông P mua lại của Trường TL Quảng Ninh năm 1993, bà M là người nộp tiền và mượn tên của con trai là bị đơn anh Vũ Thanh H trong quyết định thanh lý. Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng từ trước đến nay bà M vẫn là người quản lý và nộp thuế nhà đất nhưng không có tài liệu nào chứng minh việc được mua thành

lý nhà đất và thanh toán nhà đất thanh lý mà chỉ cung cấp 01 Đơn xác nhận nộp thuế ngày 20/11/2010 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B có nội dung bà M chỉ đóng thuế đất từ năm 1993 đến năm 2010 cho thửa đất số 145, tờ bản đồ số 104 tại tổ 2, khu 1 (trước là tổ 3, khu 1), phường B, thành phố H; không phải nộp nghĩa vụ thuế cho thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70 đất tại tổ 5, khu 8B (nay là tổ 7, khu 8), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (bút lục 19) nên chưa có căn cứ chứng minh xác lập quyền sử dụng đất đối với bà M và ông P, không có căn cứ xác định bà M và ông P là người sử dụng đất và tài sản trên đất từ năm 1993 đến nay.

Theo tài liệu, chứng cứ mà bị đơn anh Vũ Thanh H cung cấp thì tại Quyết định số 32 ngày 06/3/1993 Sở Thủy lợi Quảng Ninh đã nhượng cho 07 cán bộ của trường, trong đó anh H được nhượng nhà ở diện tích 100m² và 18m² bếp (trên thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70 với giá trị 5.000.000đồng (bút lục 126). Nội dung của quyết định phù hợp với thông tin xác nhận tại Công văn số 2839 ngày 30/6/2021 của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong quá trình giải quyết vụ án (bút lục 237). Anh H thực hiện khai thuế từ năm 1995 nhưng theo anh H trình bày sau khi được thanh lý nhà thì anh H lại điều chuyển công tác làm việc tại vùng biên giới nhiều năm, cho đến nay vẫn đi làm xa nên không ở lại đây, nhà đã hư hỏng và anh H cũng chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 125).

Tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và giao nhận diện tích (theo hiện trạng sử dụng) ngày 30/4/1998 của Ủy ban nhân dân phường B đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70 mà nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được xác định đây là đất vắng chủ, không có tên chủ sử dụng đất ký trong biên bản xác định mốc giới (các bút lục 07, 233).

Tại Biên bản xác minh ngày 16/6/2021 và Biên bản xác minh ngày 07/7/2021 thì Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H và Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Ủy ban nhân dân thành phố H đều cho biết đến nay thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70, có diện tích 535,6m² vẫn vắng chủ, chưa xác định được chủ sử dụng đất, bà M không quản lý, sử dụng (các bút lục 235, 241).

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Huệ, anh Vũ Minh T đều không có quan điểm thể hiện về nguồn gốc thửa đất này mà chỉ đề nghị Tòa án nếu đây là tài sản của bà M và ông P thì phân chia như yêu cầu khởi kiện của bà M và nếu là tài sản của anh H thì trả lại cho anh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M giao nộp cho Tòa án tài liệu có chữ ký xác nhận của những người làm chứng về việc bà M và ông P được Trường TL, thanh lý nhà đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn có quan điểm giấy xác nhận của những người làm chứng là căn cứ chứng minh về quyền tài sản của bà M, ông P. Đây không phải là giấy tờ có giá trị pháp lý để xác định về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất theo quy định tại Điều 98, Điều 100 Luật đất đai và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Căn cứ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP quy định về căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định thì trường hợp không có một trong các loại giấy tờ chứng minh thời điểm bắt đầu sử dụng đất ổn định thì có lấy ý kiến

khu dân cư. Anh H có Quyết định số 32 ngày 06/3/1993 Sở Thủy lợi Quảng Ninh đã xác định được thời điểm anh H bắt đầu sử dụng nhà đất nêu trên.

Từ phân tích, đánh giá trên thấy rằng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Ngọc P nên không đủ cơ sở xác định là di sản của ông P để lại. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định đây là tài sản chung của bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Ngọc P để phân chia tài sản chung, phân chia di sản thừa kế là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm không chấp kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà M là người cao tuổi, **xin miễn án phí**, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bà M.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] **Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1, khoản 2 Điều 157, khoản 1 và khoản 2 Điều 165, Điều 166, khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 609, 612, 613, 649, 650, 651, 660 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 95, 99, 167 và điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai.

- **Điểm a, tiểu mục 3.3, khoản 3, Mục I Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLN-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 03/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục địa chính và điểm a, khoản 1, Mục II Nghị quyết số 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.**

- Điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc phân chia di sản thừa kế của ông Vũ Ngọc P, trong khối tài sản chung của bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Ngọc P là thửa đất số 145, tờ bản đồ 104, có diện tích 80,7m² tại tổ 2, khu 1 (trước là tổ 3, khu 1), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và tài sản gắn liền trên đất là 01 (một) nhà hai tầng có diện tích 148m²; trị giá tài sản là 1.191.940.000đ (*Một tỷ một trăm chín mươi một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được phân chia phần tài sản riêng trong khối tài sản chung là một phần hai quyền sử dụng đất và một phần hai quyền sở hữu nhà, trị giá 595.970.000đ (*Năm trăm chín mươi năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*). Phần di sản thừa kế của ông Vũ Ngọc P được xác định là một phần hai quyền sử dụng đất và một phần hai quyền sở hữu nhà còn lại, trị giá 595.970.000đ (*Năm trăm chín mươi năm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*), được chia thành 06 kỷ phần, cho 06 người thừa kế, cụ thể: bà Nguyễn Thị M, chị Vũ Thị T, anh Vũ Thanh H, chị Vũ Thị Huệ, anh Vũ Thanh H1, anh Vũ Minh T (tên gọi khác TB); mỗi người được nhận kỷ phần trị giá là 99.328.333đ (*Chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

- Giao cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 145, tờ bản đồ 104, diện tích 80,7m² tại tổ 2, khu 1 (trước là tổ 3, khu 1), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và được quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất là 01 (một) căn nhà hai tầng, có diện tích 148m². Thửa đất được giới hạn bởi các điểm: 1,2,3,4,5,6,7,1 (toàn bộ kích thước, vị trí, diện tích đất, tài sản trên đất giao cho bà Nguyễn Thị M có sơ đồ kèm theo, sơ đồ này là phần không tách rời của bản án).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền, nghĩa vụ và làm các thủ tục liên quan đến diện tích được giao quyền sử dụng.

- Ghi nhận chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Huệ, anh Vũ Minh T (tên gọi khác TB), tự nguyện **tặng cho** bà Nguyễn Thị M kỷ phần thừa kế được phân chia; 03 (ba) kỷ phần **tặng cho** bà M nhận trị giá 297.985.000đ (*Hai trăm chín mươi bảy triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng*); cùng với 01 (một) kỷ phần được phân chia theo hàng thừa kế, nguyên đơn được hưởng 04 (bốn) kỷ phần, trị giá 397.313.332đ (*Ba trăm chín mươi bảy triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng*).

- Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả kỷ phần thừa kế giá trị bằng tiền cho anh Vũ Thanh H là 99.328.333đ (*Chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) và cho anh Vũ Thanh H1 là 99.328.333đ (*Chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc phân chia di sản thừa kế của ông Vũ Ngọc P, trong khối tài sản chung của

bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Ngọc P là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 70, có diện tích 535,6m² đất tại tổ 7, khu 8 (trước là tổ 5, khu 8B), phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và tài sản gắn liền trên đất là 01 (một) nhà mái bằng, diện tích 120m².

2. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 11.600.000đ (*Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng*). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 6.767.000đ (*Sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). Bị đơn anh Vũ Thanh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Huệ, anh Vũ Thanh H1, anh Vũ Minh T (tên gọi khác TB); mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 967.000đ (*Chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*)/ người.

Số tiền chi phí tố tụng 11.600.000đ (*Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng*) đã được trừ vào số tiền nộp tạm ứng chi phí tố tụng 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã nộp. Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa là 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*).

Anh Vũ Thanh H, chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Huệ, anh Vũ Thanh H1, anh Nguyễn Minh Thanh (tên gọi khác TB), mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M số tiền là 967.000đ (*Chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*)/người.

3. Về án phí dân sự: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Bị đơn anh Vũ Thanh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Huệ, anh Vũ Thanh H1, anh Vũ Minh T (tên gọi khác TB) mỗi người phải chịu 4.966.417đ (*Bốn triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười bảy đồng*)/người, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THẨM PHÁN**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Hồng Ánh****Bùi Đức Thanh****Tạ Duy Ước**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Duy Ước